

Bản án số: **31/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 08 - 9 - 2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Minh Hoan

Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thụy – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 34/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang) về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 22/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang).

2. Bị đơn: Anh Đào Văn M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang).

(Nguyên đơn chị Lò Thị L có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đào Văn M vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn M tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La vào ngày 20/9/2012. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc

sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, anh M có tính vũ phu lại hay ghen tuông vô cớ nên thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên chị đã bỏ đi làm thuê tại thành phố Hà Nội và sống ly thân với anh Đào Văn M từ tháng 10/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Đào Văn M đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn M, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Đào Văn M có 03 con chung, cháu thứ nhất tên là Đào Kim Ánh Ng, sinh ngày 01/4/2013; cháu thứ hai tên là Đào Ánh D, sinh ngày 09/9/2015; cháu thứ ba tên là Đào Ánh Đ, sinh ngày 27/3/2020. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các con vẫn sống cùng anh M nên khi ly hôn chị nhất trí giao cả 03 con chung là Đào Kim Ánh Ng, Đào Ánh D, Đào Ánh Đ cho anh Đào Văn M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống chị và anh Đào Văn M có tạo lập được một số tài sản chung nhưng vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Đào Văn M từ chối làm việc, không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị L.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Đào Văn M tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới, vợ chồng chị L, anh M về chung sống tại thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Y, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã nên chị Lò Thị L đã bỏ đi nơi khác và sống ly thân với anh M từ tháng 10/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị L không về thăm nhà và chăm sóc con cái. Do đó, chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lò Thị L và anh Đào Văn M đã đến mức độ trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị L đối với anh Đào Văn M theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Lò Thị L và anh Đào Văn M có 03 con chung là cháu Đào Kim Ánh Ng, sinh ngày 01/4/2013; cháu Đào

Ánh D, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Đào Ánh Đ, sinh ngày 27/3/2020. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các con vẫn sống cùng anh M và được anh M chăm sóc, cho học hành đầy đủ.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị Lò Thị L và anh Đào Văn M cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị L thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đào Văn M không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị L:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Đào Văn M.

+ Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Đào Kim Ánh Ng, sinh ngày 01/4/2013; cháu Đào Ánh D, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Đào Ánh Đ, sinh ngày 27/3/2020 cho anh Đào Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lò Thị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Do nguyên đơn chị Lò Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Đào Văn M không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Lò Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Đào Văn M, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này

được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đào Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Y, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Do đó, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Đào Văn M có mặt tại địa phương và đã biết được việc chị Lò Thị L khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh M từ chối làm việc, không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Đào Văn M đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn tự từ bỏ quyền, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị L có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị L thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đào Văn M không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Đào Văn M tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 20/9/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Y, xã N, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách dẫn đến thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Chị L đã bỏ đi nơi khác và sống ly thân với anh M từ tháng 10/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chị Lò Thị L xác định tình cảm vợ chồng với anh Đào Văn M đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đào Văn M. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lò Thị L và anh Đào Văn M đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Đào Văn M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Lò Thị L và anh Đào Văn M có 03 con chung là cháu Đào Kim Ánh Ng, sinh ngày 01/4/2013; cháu Đào Ánh D, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Đào Ánh Đ, sinh ngày 27/3/2020. Nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các con vẫn sống cùng anh Đào Văn M nên khi ly hôn chị nhất trí giao cả 03 con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù không lấy được lời khai

để xem xét nguyện vọng của cháu Đào Kim Ánh Ng và cháu Đào Ánh D muốn sống cùng ai nhưng qua kết quả xác minh thể hiện các con chung đang được anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cho học hành đầy đủ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đào Văn M không hợp tác làm việc, cố tình vắng mặt, không có ý kiến gì về việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Do vậy, quyền yêu cầu cấp dưỡng đối với các cháu Đào Kim Ánh Ng, Đào Ánh D và Đào Ánh Đ của anh M sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu anh M có yêu cầu. Từ những phân tích ở trên, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên và không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cả ba con chung là cháu Đào Kim Ánh Ng, cháu Đào Ánh D và cháu Đào Ánh Đ cho anh Đào Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lò Thị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Lò Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Đào Văn M không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Đào Văn M (*Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 20/9/2012 tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La – Nay là UBND xã C, tỉnh Sơn La*).

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Đào Kim Ánh Ng, sinh ngày 01/4/2013; cháu Đào Ánh D, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Đào Ánh Đ, sinh ngày 27/3/2020 cho anh Đào Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lò Thị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003362,

ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Tuyên Quang). Ghi nhận chị Lò Thị L đã nộp đủ tiền án phí. Bị đơn anh Đào Văn M không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lò Thị L và bị đơn anh Đào Văn M được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã N;
- UBND xã C, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San